

Số: 83 /2024/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 25 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Lê Thị Hà L (Periah Hà L1), sinh năm: 1992; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1994; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Hà L (Periah Hà L1): Bà Đỗ Thị Thanh H – Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 17 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện A Lưới nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hà L (P) và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 07/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau; gây gổ, xúc phạm nhau; vợ chồng không còn tình cảm và không quan tâm đến nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Bà L và ông T yêu cầu Toà án công

nhận thuận tình ly hôn.

Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Hà L (Periah Hà L1) và ông Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là

+ Nguyễn Ngọc Triệu V, sinh ngày 09/10/2016

+ Nguyễn Hoài B, sinh ngày 18/9/2020

Khi ly hôn, hai bên thoả thuận giao cháu Hoài B cho bà L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Triệu V cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến khi các cháu Triệu V và Hoài B trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Hai bên thoả thuận ông T chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại phiên hoà giải ngày 17 tháng 12 năm 2024, hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, thoả thuận nuôi con và về lệ phí. Việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hà L (Periah Hà L1) và ông Nguyễn Văn T đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là:

+ Nguyễn Ngọc Triệu V, sinh ngày 09/10/2016

+ Nguyễn Hoài B, sinh ngày 18/9/2020

Hai bên thoả thuận giao cháu Hoài B cho bà L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Triệu V cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận ông T chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0002607 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới. Ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện A Lưới;
- UBND xã Phú Vinh;
- (ĐKKH ngày 07/7/2016);
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS A Lưới;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vĩnh